

TP. NB, ngày 29 tháng 9 năm 2021

Số: 129/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 135/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa:

- **Nguyên đơn:** **Chị Trịnh Thị H**, sinh năm 1981

- **Bị đơn:** **Anh Phạm Quang V**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 81, ngách 522, phố T, phường NS, thành phố NB.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Phạm Quang V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Phạm Quang V có hai con chung là cháu Phạm Thị Huyền M, sinh ngày 25/3/2004 và cháu Phạm Hoàng Th, sinh ngày 19/01/2010. Giao cho chị Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Phạm Thị Huyền M và Phạm Hoàng Th đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Quang V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Huyền M và Phạm Hoàng Th cùng chị H với mức cấp dưỡng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 cháu, phương thức cấp

dưỡng định kỳ hàng tháng.

Anh Phạm Quang V có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu M, cháu Th được sống chung với chị H; anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Kể từ ngày chị H có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh V không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản và công nợ: Chị Trịnh Thị H và anh Phạm Quang V không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Trịnh Thị H nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền án phí chị H phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0000588 ngày 01/7/2021 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố NB, tỉnh NB.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND TP NB;
- THADS TP NB;
- Các đương sự;
- UBND phường NS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Phạm Diệu Oanh
(ĐÃ KÝ)